

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH CHƯƠNG
TỈNH NGHỆ AN

Bản án số: 102/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 18/7/2022

V/v tranh chấp: " Hôn nhân và gia đình"

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH CHƯƠNG, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có;

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Phương Phú, ông Nguyễn Doãn Ước

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Tráng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Chương tham gia phiên tòa:
Bà; Trịnh Thị Ngọc Soa - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 73/2022/TLST- HNGĐ ngày 20/5/2022, về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2022/QĐXX-ST, ngày 06/7/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn TD, sinh năm 1995. Địa chỉ: Xóm Hoàng Chùa, xã TT, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Có mặt

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn VB, sinh năm 1993. Địa chỉ: Xóm Thanh Liêu, xã TT, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn chị Nguyễn TD, trình bày như sau:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn TD kết hôn với anh Nguyễn VB, vào ngày 30/6/2017 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã TT, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sinh sống tại nhà nội ở xóm Thanh Liêu, xã TT, huyện Thanh Chương. Tình cảm vợ chồng sống bình thường, đến tháng 8/2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau; không đồng nhất quan điểm sống, chồng thiếu sự

quan tâm và chia sẻ đối với vợ. Mâu thuẫn trầm trọng nhất là từ đầu năm 2021 chị đi làm công ty ở Hải Phòng, nên đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng và hai người đã sống ly thân từ cuối năm 2021 cho đến nay. Nay chị Nguyễn TD xét thấy tình cảm không còn, nên xin được ly hôn anh Nguyễn VB.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung với nhau tên là Nguyễn Thị Yến Nhi, sinh ngày 18/12/2017; từ khi sinh chị là người trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi vợ chồng sống ly thân, thì anh Nguyễn VB để con ở cùng ông bà nội nuôi dưỡng, không cho chị đưa con theo cùng, hôm tết chị cũng đến thăm con, nhưng ông bà nội cũng không cho hai mẹ con gặp nhau.

Nay ly hôn chị có nguyện vọng được quyền trực tiếp nuôi con; hiện nay chị đang làm nghề Dịch vụ tại Công ty TNHH DV Cát Tường, chức vụ là Tổ trưởng, có lương cơ bản là 8.000.000 đồng, tổng thu nhập khoảng 10.000.000 đồng một tháng; nên đủ khả năng nuôi con và cũng không yêu cầu chồng phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản và nợ: Chị Nguyễn TD không có ý kiến hay yêu cầu gì Tòa án giải quyết.

Ngoài các ý kiến trên chị không có thêm bất cứ ý kiến hay yêu cầu gì thêm.

Bị đơn trình bày như sau:

- Về hôn nhân : Anh kết hôn với chị Nguyễn TD, vào ngày 30/6/2017 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã TT, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sinh sống tại nhà nội ở xóm Thanh Liêu, xã TT, huyện Thanh Chương.

Tình cảm vợ chồng sống bình thường, đến tháng 6/2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau; không đồng nhất quan điểm sống, vợ chồng bất đồng quan điểm về việc nuôi con, anh bảo con đang nhỏ, chưa đi làm vội, nhưng chị Nguyễn TD vẫn nhất quyết muốn đi làm, dẫn tới vợ chồng mâu thuẫn. Mâu thuẫn trầm trọng nhất là từ đầu năm 2022 và hai người đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị Nguyễn TD làm đơn xin ly hôn, anh cũng xét thấy tình cảm không còn, nên nhất trí ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung với nhau tên là Nguyễn Thị Yến Nhi, sinh ngày 18/12/2017; từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, thì cháu Yến Nhi sống với anh ông bà nội. Nay ly hôn anh xin được quyền trực tiếp nuôi con, không yêu cầu vợ cấp dưỡng nuôi con, thu nhập hiện nay của anh khoảng 10.000.000 đồng tháng, đảm bảo đủ điều kiện nuôi con.

- Về tài sản và nợ: Anh Nguyễn VB không có ý kiến hay yêu cầu gì Tòa án giải quyết.

Ngoài các ý kiến trên anh không có thêm bất cứ ý kiến hay yêu cầu gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về mặt thủ tục tố tụng. Còn về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Nguyễn TD được ly hôn anh Nguyễn VB; về con cái: Giao cháu Nguyễn Thị Yến Nhi, sinh ngày 18/12/2017 cho chị Nguyễn TD trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con cho anh Nguyễn VB; về tài sản không có yêu cầu, nên không xem xét; chị Nguyễn TD phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập bị đơn để công khai chứng cứ và hòa giải, hai bên đều có mặt. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn đã được tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ nhiều lần, nhưng vẫn tiếp tục vắng mặt; cho nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử bình thường theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Cuộc hôn nhân giữa bà Nguyễn TD và anh Nguyễn VB, được xác lập trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 30/6/2017 tại UBND xã TT, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại nhà nội ở xã TT, huyện Thanh Chương. Tình cảm vợ chồng sống hạnh phúc bình thường cho đến đầu năm 2021 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, trầm trọng vào cuối năm 2021, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong việc chăm sóc con và bố trí công việc làm, nên hai người đã sống ly thân từ cuối năm 2021 cho đến nay.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập để công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng chị Nguyễn TD vẫn nhất quyết xin ly hôn, anh Nguyễn VB cũng xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, nên nhất trí ly hôn. Điều đó chứng tỏ tình trạng vợ chồng đã thực sự trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, việc xin ly hôn của chị Nguyễn TD, là hoàn toàn phù hợp với Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận cho chị Nguyễn TD được ly hôn anh Nguyễn VB.

[3] Về trách nhiệm nuôi con: Vợ chồng có 01 con chung với nhau tên là Nguyễn Thị Yến Nhi, sinh ngày 18/12/2017.

Nay ly hôn cả hai người đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con, là hoàn toàn chính đáng. Song xét thấy cháu Nguyễn Thị Yến Nhi là con gái và đang nhỏ, cần sự chăm sóc của người mẹ; hơn nữa hiện nay chị Nguyễn TD đang làm việc tại công ty, có thu nhập ổn định và đủ điều kiện để nuôi con (có Hợp đồng lao động); còn anh Nguyễn VB nói hiện nay cũng đang làm việc tại công ty, có thu nhập tháng 10.000.000 đồng, mặc dù Tòa án đã yêu cầu anh cung cấp chứng cứ, để chứng minh thu nhập, nhưng anh Nguyễn VB không xuất trình được Hợp đồng lao động. Cho nên cần giao cháu Yến Nhi cho chị Nguyễn TD được trực tiếp nuôi dưỡng và tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh Nguyễn VB, là hoàn toàn phù hợp với Điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về chia tài sản chung và nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét giải quyết về phần tài sản.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn TD phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên ;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; Điều 147; 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 51; 56; 81; 82; 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn TD được ly hôn anh Nguyễn VB.

2. Về trách nhiệm nuôi con:

Giao cháu Nguyễn Thị Yến Nhi, sinh ngày 18/12/2017, cho chị Nguyễn TD được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh Nguyễn VB.

Anh Nguyễn VB; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án được thực hiện theo quy định các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành

án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Về chia tài sản chung và nợ: Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn TD, phải chịu: 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí xin ly hôn, chị Nguyễn TD, được trừ đi 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0009120 ngày 20/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

5. Nguyên đơn, có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết công khai.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Nghệ An
- VKS huyện Thanh Chương
- Chi cục THA dân sự
- Các đương sự
- UBND xã TT
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Trọng Sơn